



# Là loại Panel mỏng nhất với hiệu suất cao nhất trên thị trường.

## GreenPerform Panel

GreenPerform Panel là loại Panel mỏng nhất với hiệu suất cao nhất trên thị trường Có hai lựa chọn quang thông với bốn kích thước, 200X1200, 300X1200, 600x600, 600x1200 và ba lựa chọn lắp đặt là âm, treo và trần thạch cao.

### Lợi ích

- Tiết kiệm năng lượng
- Dễ dàng lắp đặt và xử lý
- Áp dụng được trên hầu hết các loại trần với nhiều kích cỡ khác nhau như 200X1200, 300X1200, 600X600 và 600X1200
- Chất lượng ánh sáng tốt
- Hoạt động tin cậy
- Dễ dàng lắp đặt và bảo trì
- Tuân thủ tiêu chuẩn văn phòng, tạo độ dễ chịu cho thị giác

### Tính năng

- Độ dày chỉ 8,3 mm
- Nhiều phương pháp lắp đặt khác nhau, (thanh chữ T, trần thạch cao, CPC và treo).
- CRI > 80, SDCM<4, Không nhấp nháy
- Tuổi thọ L80 50.000 giờ
- Bộ điều khiển thay thế được có phích cắm
- Có sẵn các phiên bản UGR16 và UGR19

### Ứng dụng

- Văn phòng mở
- Phòng họp
- Bệnh viện
- Căng-tin

Phiên bản

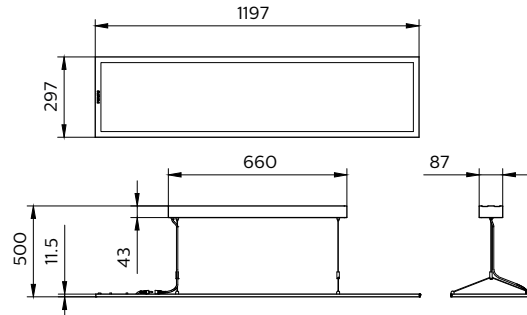
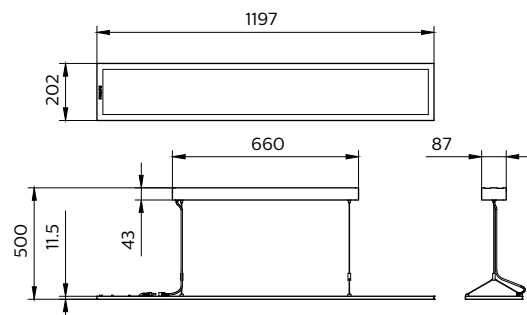
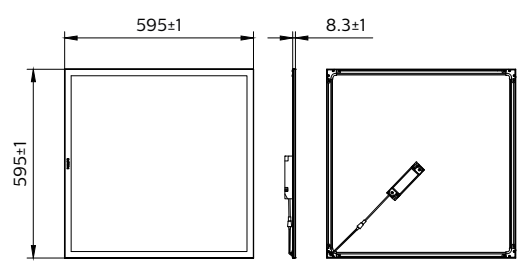
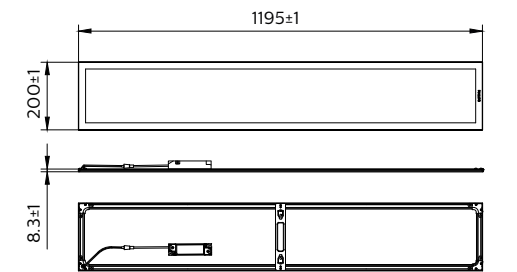
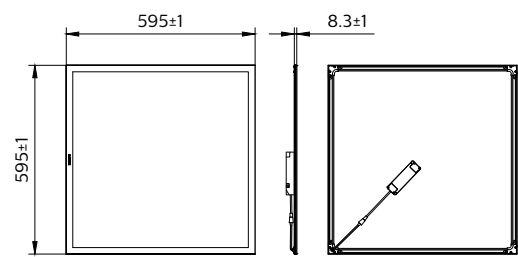
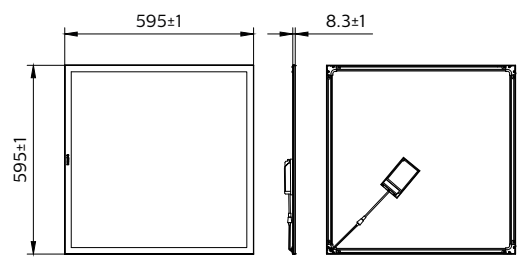


RC099 g2 3001200 front

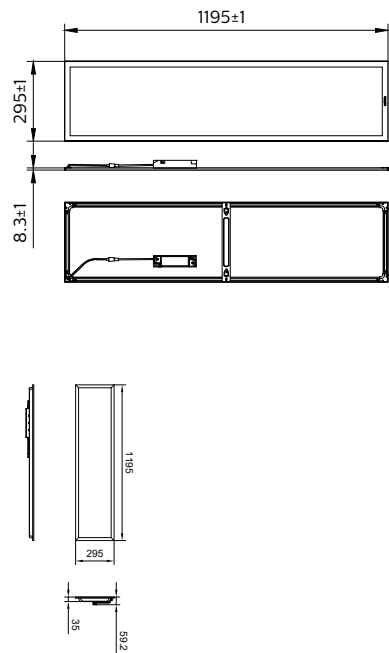
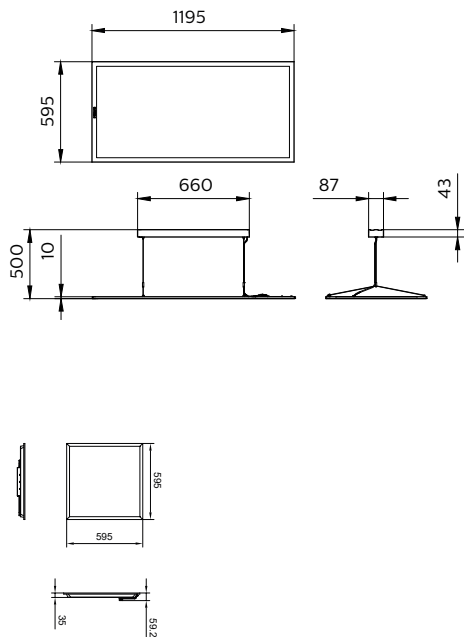
20 120+logo fa

RC099 g2 600600 front

Bản vẽ kích thước



Bản vẽ kích thước



| Thông tin chung           |                                        |
|---------------------------|----------------------------------------|
| Dấu CE                    | Dấu CE                                 |
| Dấu ENEC                  | -                                      |
| Ký hiệu tính dễ cháy      | -                                      |
| Thông tin kỹ thuật về đèn |                                        |
| Kiểu chụp quang học       | Chao đèn/nắp nhựa Polystyrene lỏng trụ |
| Chỉ số hoàn màu (CRI)     | >80                                    |
| Vận hành và điện          |                                        |
| Điện áp đầu vào           | 220 đến 240 V                          |
| Tần số dòng               | 50 to 60 Hz                            |
| Phê duyệt và ứng dụng     |                                        |
| Cấp độ bảo vệ IEC         | Cấp an toàn II                         |
| Mã bảo vệ chống xâm nhập  | IP20                                   |

| Thông tin chung |                                     | Bao gồm       |                                    | Nguồn                |                        |
|-----------------|-------------------------------------|---------------|------------------------------------|----------------------|------------------------|
| Order Code      | Full Product Name                   | bộ điều khiển | Thử nghiệm sợi dây nóng đỏ         | sáng có thể thay thế | Số lượng bộ điều khiển |
| 911401719482    | RC160V LED30S 840 W60L60 PSU        | Có            | Nhiệt độ 650°C, thời lượng 30 giây | Không                | 1 thiết bị             |
| 911401719492    | RC160V LED30S 865 W60L60 PSU        | Có            | Nhiệt độ 650°C, thời lượng 30 giây | Không                | 1 thiết bị             |
| 911401719502    | RC160V LED40S 840 W60L60 PSU        | Có            | Nhiệt độ 650°C, thời lượng 30 giây | Không                | 1 thiết bị             |
| 911401719512    | RC160V LED40S 865 W60L60 PSU        | Có            | Nhiệt độ 650°C, thời lượng 30 giây | Không                | 1 thiết bị             |
| 911401719552    | RC160V LED40S 840 W60L60 CPC        | Có            | Nhiệt độ 650°C, thời lượng 30 giây | Không                | 1 thiết bị             |
| 911401720802    | RC160V LED40S 840 W60L60 PSD        | Có            | Nhiệt độ 650°C, thời lượng 30 giây | Không                | 1 thiết bị             |
| 911401720812    | RC160V LED40S 865 W60L60 PSD        | Có            | Nhiệt độ 650°C, thời lượng 30 giây | Không                | 1 thiết bị             |
| 911401726842    | RC160V LED29S 840 W60L60 PSU UGR16  | Có            | Nhiệt độ 650°C, thời lượng 30 giây | Không                | 1 thiết bị             |
| 911401522922    | RC099X G2 LED38/840 W30L120 L1 W    | -             | -                                  | -                    | -                      |
| 911401523122    | RC099X G2 LED38/865 W30L120 L1 W    | -             | -                                  | -                    | -                      |
| 911401523322    | RC099X G2 LED36/840 W30L120 L1 W OC | -             | -                                  | -                    | -                      |

| Order Code   | Full Product Name                      | Bao gồm          |                                       | Nguồn<br>sáng có<br>thể thay<br>thế | Số lượng bộ<br>điều khiển |
|--------------|----------------------------------------|------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------|
|              |                                        | bộ điều<br>khiển | Thử nghiệm sợi dây<br>nóng đỏ         |                                     |                           |
| 911401523522 | RC099X G2 LED36/865<br>W30L120 L1 W OC | -                | -                                     | -                                   | -                         |
| 911401726932 | SP160P LED20S 840 W20L120<br>PSU       | Có               | Nhiệt độ 650°C, thời<br>lượng 30 giây | Không                               | 1 thiết bị                |
| 911401726942 | SP160P LED40S 840 W30L120<br>PSU       | Có               | Nhiệt độ 650°C, thời<br>lượng 30 giây | Không                               | 1 thiết bị                |
| 911401726952 | SP160P LED60S 840<br>W60L120 PSU       | Có               | Nhiệt độ 650°C, thời<br>lượng 30 giây | Không                               | 1 thiết bị                |
| 911401719522 | RC160V LED40S 840<br>W30L120 PSU       | Có               | Nhiệt độ 650°C, thời<br>lượng 30 giây | Không                               | 1 thiết bị                |
| 911401726852 | RC160V LED29S 840 W30L120<br>PSU UGR16 | Có               | Nhiệt độ 650°C, thời<br>lượng 30 giây | Không                               | 1 thiết bị                |
| 911401719472 | RC160V LED20S 840 W20L120<br>PSU       | Có               | Nhiệt độ 650°C, thời<br>lượng 30 giây | Không                               | 1 thiết bị                |
| 911401522822 | RC099X G2 LED38/840<br>W60L60 L1 W     | -                | -                                     | -                                   | -                         |
| 911401523222 | RC099X G2 LED36/840<br>W60L60 L1 W OC  | -                | -                                     | -                                   | -                         |
| 911401523422 | RC099X G2 LED36/865<br>W60L60 L1 W OC  | -                | -                                     | -                                   | -                         |

Thông tin kỹ thuật về đèn (1/2)

| Order Code   | Full Product Name                         | Góc<br>chiếu của<br>nguồn<br>sáng | Nhiệt độ<br>màu<br>tương ứng<br>(Nom) | Quang hiệu<br>(định mức)<br>(Danh định) | Quang<br>thông |
|--------------|-------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|
|              |                                           | °                                 | K                                     | lm/W                                    | lm             |
| 911401719482 | RC160V LED30S 840<br>W60L60 PSU           | - °                               | 4000 K                                | 110 lm/W                                | 3.000 lm       |
| 911401719492 | RC160V LED30S 865<br>W60L60 PSU           | - °                               | 6500 K                                | 110 lm/W                                | 3.000 lm       |
| 911401719502 | RC160V LED40S 840<br>W60L60 PSU           | - °                               | 4000 K                                | 110 lm/W                                | 4.000 lm       |
| 911401719512 | RC160V LED40S 865<br>W60L60 PSU           | - °                               | 6500 K                                | 110 lm/W                                | 4.000 lm       |
| 911401719552 | RC160V LED40S 840<br>W60L60 CPC           | - °                               | 4000 K                                | 110 lm/W                                | 4.000 lm       |
| 911401720802 | RC160V LED40S 840<br>W60L60 PSD           | - °                               | 4000 K                                | 110 lm/W                                | 4.000 lm       |
| 911401720812 | RC160V LED40S 865<br>W60L60 PSD           | - °                               | 6500 K                                | 110 lm/W                                | 4.000 lm       |
| 911401726842 | RC160V LED29S 840<br>W60L60 PSU UGR16     | - °                               | 4000 K                                | 105 lm/W                                | 2.900 lm       |
| 911401522922 | RC099X G2<br>LED38/840 W30L120<br>L1 W    | -                                 | 4000 K                                | 110 lm/W                                | 3.800 lm       |
| 911401523122 | RC099X G2<br>LED38/865 W30L120<br>L1 W    | -                                 | 6500 K                                | 110 lm/W                                | 3.800 lm       |
| 911401523322 | RC099X G2<br>LED36/840 W30L120<br>L1 W OC | -                                 | 4000 K                                | 100 lm/W                                | 3.600 lm       |
| 911401523522 | RC099X G2<br>LED36/865 W30L120<br>L1 W OC | -                                 | 6500 K                                | 100 lm/W                                | 3.600 lm       |
| 911401726932 | SP160P LED20S 840<br>W20L120 PSU          | - °                               | 4000 K                                | 100 lm/W                                | 2.000 lm       |
| 911401726942 | SP160P LED40S 840<br>W30L120 PSU          | - °                               | 4000 K                                | 110 lm/W                                | 4.000 lm       |
| 911401726952 | SP160P LED60S 840<br>W60L120 PSU          | - °                               | 4000 K                                | 110 lm/W                                | 6.000 lm       |
| 911401719522 | RC160V LED40S 840<br>W30L120 PSU          | - °                               | 4000 K                                | 110 lm/W                                | 4.000 lm       |
| 911401726852 | RC160V LED29S 840<br>W30L120 PSU UGR16    | - °                               | 4000 K                                | 105 lm/W                                | 2.900 lm       |
| 911401719472 | RC160V LED20S 840<br>W20L120 PSU          | - °                               | 4000 K                                | 100 lm/W                                | 2.000 lm       |
| 911401522822 | RC099X G2<br>LED38/840 W60L60<br>L1 W     | -                                 | 4000 K                                | 110 lm/W                                | 3.800 lm       |

GreenPerform Panel

| Order Code   | Full Product Name                  | Góc chiếu của nguồn | Nhiệt độ màu tương ứng (Nom) | Quang hiệu (định mức) (Danh định) | Quang thông |
|--------------|------------------------------------|---------------------|------------------------------|-----------------------------------|-------------|
|              |                                    |                     |                              |                                   |             |
|              |                                    | sáng                | (Nom)                        | (Danh định)                       | thông       |
| 911401523222 | RC099X G2 LED36/840 W60L60 L1 W OC | -                   | 4000 K                       | 100 lm/W                          | 3.600 lm    |

| Order Code   | Full Product Name                  | Góc chiếu của nguồn | Nhiệt độ màu tương ứng (Nom) | Quang hiệu (định mức) (Danh định) | Quang thông |
|--------------|------------------------------------|---------------------|------------------------------|-----------------------------------|-------------|
|              |                                    |                     |                              |                                   |             |
|              |                                    | sáng                | (Nom)                        | (Danh định)                       | thông       |
| 911401523422 | RC099X G2 LED36/865 W60L60 L1 W OC | -                   | 6500 K                       | 100 lm/W                          | 3.600 lm    |

Thông tin kỹ thuật về đèn (2/2)

| Order Code   | Full Product Name                   | Loại quang |
|--------------|-------------------------------------|------------|
| 911401719482 | RC160V LED30S 840 W60L60 PSU        | Góc rộng   |
| 911401719492 | RC160V LED30S 865 W60L60 PSU        | Góc rộng   |
| 911401719502 | RC160V LED40S 840 W60L60 PSU        | Góc rộng   |
| 911401719512 | RC160V LED40S 865 W60L60 PSU        | Góc rộng   |
| 911401719552 | RC160V LED40S 840 W60L60 CPC        | Góc rộng   |
| 911401720802 | RC160V LED40S 840 W60L60 PSD        | Góc rộng   |
| 911401720812 | RC160V LED40S 865 W60L60 PSD        | Góc rộng   |
| 911401726842 | RC160V LED29S 840 W60L60 PSU UGR16  | Góc rộng   |
| 911401522922 | RC099X G2 LED38/840 W30L120 L1 W    | -          |
| 911401523122 | RC099X G2 LED38/865 W30L120 L1 W    | -          |
| 911401523322 | RC099X G2 LED36/840 W30L120 L1 W OC | -          |

| Order Code   | Full Product Name                   | Loại quang |
|--------------|-------------------------------------|------------|
| 911401523522 | RC099X G2 LED36/865 W30L120 L1 W OC | -          |
| 911401726932 | SP160P LED20S 840 W20L120 PSU       | Góc rộng   |
| 911401726942 | SP160P LED40S 840 W30L120 PSU       | Góc rộng   |
| 911401726952 | SP160P LED60S 840 W60L120 PSU       | Góc rộng   |
| 911401719522 | RC160V LED40S 840 W30L120 PSU       | Góc rộng   |
| 911401726852 | RC160V LED29S 840 W30L120 PSU UGR16 | Góc rộng   |
| 911401719472 | RC160V LED20S 840 W20L120 PSU       | Góc rộng   |
| 911401522822 | RC099X G2 LED38/840 W60L60 L1 W     | -          |
| 911401523222 | RC099X G2 LED36/840 W60L60 L1 W OC  | -          |
| 911401523422 | RC099X G2 LED36/865 W60L60 L1 W OC  | -          |

Vận hành và điện

| Order Code   | Full Product Name                   | Mức tiêu thụ điện |
|--------------|-------------------------------------|-------------------|
| 911401719482 | RC160V LED30S 840 W60L60 PSU        | 28 W              |
| 911401719492 | RC160V LED30S 865 W60L60 PSU        | 28 W              |
| 911401719502 | RC160V LED40S 840 W60L60 PSU        | 36 W              |
| 911401719512 | RC160V LED40S 865 W60L60 PSU        | 36 W              |
| 911401719552 | RC160V LED40S 840 W60L60 CPC        | 36 W              |
| 911401720802 | RC160V LED40S 840 W60L60 PSD        | 36 W              |
| 911401720812 | RC160V LED40S 865 W60L60 PSD        | 36 W              |
| 911401726842 | RC160V LED29S 840 W60L60 PSU UGR16  | 28 W              |
| 911401522922 | RC099X G2 LED38/840 W30L120 L1 W    | 35 W              |
| 911401523122 | RC099X G2 LED38/865 W30L120 L1 W    | 35 W              |
| 911401523322 | RC099X G2 LED36/840 W30L120 L1 W OC | 35 W              |

| Order Code   | Full Product Name                   | Mức tiêu thụ điện |
|--------------|-------------------------------------|-------------------|
| 911401523522 | RC099X G2 LED36/865 W30L120 L1 W OC | 35 W              |
| 911401726932 | SP160P LED20S 840 W20L120 PSU       | 20 W              |
| 911401726942 | SP160P LED40S 840 W30L120 PSU       | 36 W              |
| 911401726952 | SP160P LED60S 840 W60L120 PSU       | 55 W              |
| 911401719522 | RC160V LED40S 840 W30L120 PSU       | 36 W              |
| 911401726852 | RC160V LED29S 840 W30L120 PSU UGR16 | 28 W              |
| 911401719472 | RC160V LED20S 840 W20L120 PSU       | 20 W              |
| 911401522822 | RC099X G2 LED38/840 W60L60 L1 W     | 35 W              |
| 911401523222 | RC099X G2 LED36/840 W60L60 L1 W OC  | 35 W              |
| 911401523422 | RC099X G2 LED36/865 W60L60 L1 W OC  | 35 W              |

Nhiệt độ

| Order Code   | Full Product Name                   | Dãy nhiệt độ màu ánh sáng |
|--------------|-------------------------------------|---------------------------|
| 911401719482 | RC160V LED30S 840 W60L60 PSU        | -20 đến +45°C             |
| 911401719492 | RC160V LED30S 865 W60L60 PSU        | -20 đến +45°C             |
| 911401719502 | RC160V LED40S 840 W60L60 PSU        | -20 đến +45°C             |
| 911401719512 | RC160V LED40S 865 W60L60 PSU        | -20 đến +45°C             |
| 911401719552 | RC160V LED40S 840 W60L60 CPC        | -20 đến +45°C             |
| 911401720802 | RC160V LED40S 840 W60L60 PSD        | -20 đến +45°C             |
| 911401720812 | RC160V LED40S 865 W60L60 PSD        | -20 đến +45°C             |
| 911401726842 | RC160V LED29S 840 W60L60 PSU UGR16  | -20 đến +45°C             |
| 911401522922 | RC099X G2 LED38/840 W30L120 L1 W    | -20 đến +40°C             |
| 911401523122 | RC099X G2 LED38/865 W30L120 L1 W    | -20 đến +40°C             |
| 911401523322 | RC099X G2 LED36/840 W30L120 L1 W OC | -20 đến +40°C             |

| Order Code   | Full Product Name                   | Dãy nhiệt độ màu ánh sáng |
|--------------|-------------------------------------|---------------------------|
| 911401523522 | RC099X G2 LED36/865 W30L120 L1 W OC | -20 đến +40°C             |
| 911401726932 | SP160P LED20S 840 W20L120 PSU       | -20 đến +45°C             |
| 911401726942 | SP160P LED40S 840 W30L120 PSU       | -20 đến +45°C             |
| 911401726952 | SP160P LED60S 840 W60L120 PSU       | -20 đến +45°C             |
| 911401719522 | RC160V LED40S 840 W30L120 PSU       | -20 đến +45°C             |
| 911401726852 | RC160V LED29S 840 W30L120 PSU UGR16 | -20 đến +45°C             |
| 911401719472 | RC160V LED20S 840 W20L120 PSU       | -20 đến +45°C             |
| 911401522822 | RC099X G2 LED38/840 W60L60 L1 W     | -20 đến +40°C             |
| 911401523222 | RC099X G2 LED36/840 W60L60 L1 W OC  | -20 đến +40°C             |
| 911401523422 | RC099X G2 LED36/865 W60L60 L1 W OC  | -20 đến +40°C             |

Điều khiển và điều chỉnh độ sáng

| Order Code   | Full Product Name                   | Có thể điều chỉnh độ sáng |
|--------------|-------------------------------------|---------------------------|
| 911401719482 | RC160V LED30S 840 W60L60 PSU        | Không                     |
| 911401719492 | RC160V LED30S 865 W60L60 PSU        | Không                     |
| 911401719502 | RC160V LED40S 840 W60L60 PSU        | Không                     |
| 911401719512 | RC160V LED40S 865 W60L60 PSU        | Không                     |
| 911401719552 | RC160V LED40S 840 W60L60 CPC        | Không                     |
| 911401720802 | RC160V LED40S 840 W60L60 PSD        | Có                        |
| 911401720812 | RC160V LED40S 865 W60L60 PSD        | Có                        |
| 911401726842 | RC160V LED29S 840 W60L60 PSU UGR16  | Không                     |
| 911401522922 | RC099X G2 LED38/840 W30L120 L1 W    | Không                     |
| 911401523122 | RC099X G2 LED38/865 W30L120 L1 W    | Không                     |
| 911401523322 | RC099X G2 LED36/840 W30L120 L1 W OC | Không                     |

| Order Code   | Full Product Name                   | Có thể điều chỉnh độ sáng |
|--------------|-------------------------------------|---------------------------|
| 911401523522 | RC099X G2 LED36/865 W30L120 L1 W OC | Không                     |
| 911401726932 | SP160P LED20S 840 W20L120 PSU       | Không                     |
| 911401726942 | SP160P LED40S 840 W30L120 PSU       | Không                     |
| 911401726952 | SP160P LED60S 840 W60L120 PSU       | Không                     |
| 911401719522 | RC160V LED40S 840 W30L120 PSU       | Không                     |
| 911401726852 | RC160V LED29S 840 W30L120 PSU UGR16 | Không                     |
| 911401719472 | RC160V LED20S 840 W20L120 PSU       | Không                     |
| 911401522822 | RC099X G2 LED38/840 W60L60 L1 W     | Không                     |
| 911401523222 | RC099X G2 LED36/840 W60L60 L1 W OC  | Không                     |
| 911401523422 | RC099X G2 LED36/865 W60L60 L1 W OC  | Không                     |

Cơ khí và vỏ đèn

| Order Code   | Full Product Name                   | Màu vỏ đèn     |
|--------------|-------------------------------------|----------------|
| 911401719482 | RC160V LED30S 840 W60L60 PSU        | Trắng          |
| 911401719492 | RC160V LED30S 865 W60L60 PSU        | Trắng          |
| 911401719502 | RC160V LED40S 840 W60L60 PSU        | Trắng          |
| 911401719512 | RC160V LED40S 865 W60L60 PSU        | Trắng          |
| 911401719552 | RC160V LED40S 840 W60L60 CPC        | Trắng          |
| 911401720802 | RC160V LED40S 840 W60L60 PSD        | Trắng          |
| 911401720812 | RC160V LED40S 865 W60L60 PSD        | Trắng          |
| 911401726842 | RC160V LED29S 840 W60L60 PSU UGR16  | Trắng          |
| 911401522922 | RC099X G2 LED38/840 W30L120 L1 W    | RAL 9003 trắng |
| 911401523122 | RC099X G2 LED38/865 W30L120 L1 W    | RAL 9003 trắng |
| 911401523322 | RC099X G2 LED36/840 W30L120 L1 W OC | RAL 9003 trắng |

| Order Code   | Full Product Name                   | Màu vỏ đèn     |
|--------------|-------------------------------------|----------------|
| 911401523522 | RC099X G2 LED36/865 W30L120 L1 W OC | RAL 9003 trắng |
| 911401726932 | SP160P LED20S 840 W20L120 PSU       | Trắng          |
| 911401726942 | SP160P LED40S 840 W30L120 PSU       | Trắng          |
| 911401726952 | SP160P LED60S 840 W60L120 PSU       | Trắng          |
| 911401719522 | RC160V LED40S 840 W30L120 PSU       | Trắng          |
| 911401726852 | RC160V LED29S 840 W30L120 PSU UGR16 | Trắng          |
| 911401719472 | RC160V LED20S 840 W20L120 PSU       | Trắng          |
| 911401522822 | RC099X G2 LED38/840 W60L60 L1 W     | RAL 9003 trắng |
| 911401523222 | RC099X G2 LED36/840 W60L60 L1 W OC  | RAL 9003 trắng |
| 911401523422 | RC099X G2 LED36/865 W60L60 L1 W OC  | RAL 9003 trắng |

Phê duyệt và ứng dụng

| Order Code   | Full Product Name                   | Mã bảo vệ khỏi tác động cơ học |
|--------------|-------------------------------------|--------------------------------|
| 911401719482 | RC160V LED30S 840 W60L60 PSU        | IK03                           |
| 911401719492 | RC160V LED30S 865 W60L60 PSU        | IK03                           |
| 911401719502 | RC160V LED40S 840 W60L60 PSU        | IK03                           |
| 911401719512 | RC160V LED40S 865 W60L60 PSU        | IK03                           |
| 911401719552 | RC160V LED40S 840 W60L60 CPC        | IK03                           |
| 911401720802 | RC160V LED40S 840 W60L60 PSD        | IK03                           |
| 911401720812 | RC160V LED40S 865 W60L60 PSD        | IK03                           |
| 911401726842 | RC160V LED29S 840 W60L60 PSU UGR16  | IK03                           |
| 911401522922 | RC099X G2 LED38/840 W30L120 L1 W    | -                              |
| 911401523122 | RC099X G2 LED38/865 W30L120 L1 W    | -                              |
| 911401523322 | RC099X G2 LED36/840 W30L120 L1 W OC | -                              |

| Order Code   | Full Product Name                   | Mã bảo vệ khỏi tác động cơ học |
|--------------|-------------------------------------|--------------------------------|
| 911401523522 | RC099X G2 LED36/865 W30L120 L1 W OC | -                              |
| 911401726932 | SP160P LED20S 840 W20L120 PSU       | IK03                           |
| 911401726942 | SP160P LED40S 840 W30L120 PSU       | IK03                           |
| 911401726952 | SP160P LED60S 840 W60L120 PSU       | IK03                           |
| 911401719522 | RC160V LED40S 840 W30L120 PSU       | IK03                           |
| 911401726852 | RC160V LED29S 840 W30L120 PSU UGR16 | IK03                           |
| 911401719472 | RC160V LED20S 840 W20L120 PSU       | IK03                           |
| 911401522822 | RC099X G2 LED38/840 W60L60 L1 W     | -                              |
| 911401523222 | RC099X G2 LED36/840 W60L60 L1 W OC  | -                              |
| 911401523422 | RC099X G2 LED36/865 W60L60 L1 W OC  | -                              |

Hiệu suất ban đầu (Tuân thủ IEC)

| Order Code   | Full Product Name            | Màu sắc ban đầu        | Dung sai quang thông |
|--------------|------------------------------|------------------------|----------------------|
| 911401719482 | RC160V LED30S 840 W60L60 PSU | (0.43, 0.40)<br>SDCM<4 | +/-5%                |

| Order Code   | Full Product Name            | Màu sắc ban đầu        | Dung sai quang thông |
|--------------|------------------------------|------------------------|----------------------|
| 911401719492 | RC160V LED30S 865 W60L60 PSU | (0.43, 0.40)<br>SDCM<4 | +/-5%                |

| Order Code   | Full Product Name                     | Màu sắc ban đầu        | Dung sai quang thông |
|--------------|---------------------------------------|------------------------|----------------------|
| 911401719502 | RC160V LED40S 840 W60L60 PSU          | (0.43, 0.40)<br>SDCM<4 | +/-5%                |
| 911401719512 | RC160V LED40S 865 W60L60 PSU          | (0.43, 0.40)<br>SDCM<4 | +/-5%                |
| 911401719552 | RC160V LED40S 840 W60L60 CPC          | (0.43, 0.40)<br>SDCM<4 | +/-5%                |
| 911401720802 | RC160V LED40S 840 W60L60 PSD          | (0.43, 0.40)<br>SDCM<4 | +/-5%                |
| 911401720812 | RC160V LED40S 865 W60L60 PSD          | (0.43, 0.40)<br>SDCM<4 | +/-5%                |
| 911401726842 | RC160V LED29S 840 W60L60 PSU<br>UGR16 | (0.43, 0.40)<br>SDCM<4 | +/-5%                |
| 911401522922 | RC099X G2 LED38/840 W30L120 L1 W      | -                      | +/-10%               |
| 911401523122 | RC099X G2 LED38/865 W30L120 L1 W      | -                      | +/-10%               |
| 911401523322 | RC099X G2 LED36/840 W30L120 L1 W OC   | -                      | +/-10%               |
| 911401523522 | RC099X G2 LED36/865 W30L120 L1 W OC   | -                      | +/-10%               |

| Order Code   | Full Product Name                      | Màu sắc ban đầu        | Dung sai quang thông |
|--------------|----------------------------------------|------------------------|----------------------|
| 911401726932 | SP160P LED20S 840 W20L120 PSU          | (0.43, 0.40)<br>SDCM<4 | +/-5%                |
| 911401726942 | SP160P LED40S 840 W30L120 PSU          | (0.43, 0.40)<br>SDCM<4 | +/-5%                |
| 911401726952 | SP160P LED60S 840 W60L120 PSU          | (0.43, 0.40)<br>SDCM<4 | +/-5%                |
| 911401719522 | RC160V LED40S 840 W30L120 PSU          | (0.43, 0.40)<br>SDCM<4 | +/-5%                |
| 911401726852 | RC160V LED29S 840 W30L120 PSU<br>UGR16 | (0.43, 0.40)<br>SDCM<4 | +/-5%                |
| 911401719472 | RC160V LED20S 840 W20L120 PSU          | (0.43, 0.40)<br>SDCM<4 | +/-5%                |
| 911401522822 | RC099X G2 LED38/840 W60L60 L1 W        | -                      | +/-10%               |
| 911401523222 | RC099X G2 LED36/840 W60L60 L1 W OC     | -                      | +/-10%               |
| 911401523422 | RC099X G2 LED36/865 W60L60 L1 W OC     | -                      | +/-10%               |

Điều kiện ứng dụng

| Order Code   | Full Product Name                   | Độ mờ tối đa     |
|--------------|-------------------------------------|------------------|
| 911401719482 | RC160V LED30S 840 W60L60 PSU        | Không áp dụng    |
| 911401719492 | RC160V LED30S 865 W60L60 PSU        | Không áp dụng    |
| 911401719502 | RC160V LED40S 840 W60L60 PSU        | Không áp dụng    |
| 911401719512 | RC160V LED40S 865 W60L60 PSU        | Không áp dụng    |
| 911401719552 | RC160V LED40S 840 W60L60 CPC        | Không áp dụng    |
| 911401720802 | RC160V LED40S 840 W60L60 PSD        | Có thể lập trình |
| 911401720812 | RC160V LED40S 865 W60L60 PSD        | Có thể lập trình |
| 911401726842 | RC160V LED29S 840 W60L60 PSU UGR16  | Không áp dụng    |
| 911401522922 | RC099X G2 LED38/840 W30L120 L1 W    | -                |
| 911401523122 | RC099X G2 LED38/865 W30L120 L1 W    | -                |
| 911401523322 | RC099X G2 LED36/840 W30L120 L1 W OC | -                |

| Order Code   | Full Product Name                   | Độ mờ tối đa  |
|--------------|-------------------------------------|---------------|
| 911401523522 | RC099X G2 LED36/865 W30L120 L1 W OC | -             |
| 911401726932 | SP160P LED20S 840 W20L120 PSU       | Không áp dụng |
| 911401726942 | SP160P LED40S 840 W30L120 PSU       | Không áp dụng |
| 911401726952 | SP160P LED60S 840 W60L120 PSU       | Không áp dụng |
| 911401719522 | RC160V LED40S 840 W30L120 PSU       | Không áp dụng |
| 911401726852 | RC160V LED29S 840 W30L120 PSU UGR16 | Không áp dụng |
| 911401719472 | RC160V LED20S 840 W20L120 PSU       | Không áp dụng |
| 911401522822 | RC099X G2 LED38/840 W60L60 L1 W     | -             |
| 911401523222 | RC099X G2 LED36/840 W60L60 L1 W OC  | -             |
| 911401523422 | RC099X G2 LED36/865 W60L60 L1 W OC  | -             |

